

NĂM 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số/ TCCS số: 73/TRUNGNGUYENLEGEND/2022

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM:

Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Địa chỉ: 268 Nguyễn Tất Thành, Phường Tân lập, Tp Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0262 3865116 - 0262 3855570

Fax: 0262 3811766

Email: office@trungnguyenlegend.com

Sản xuất tại Nhà máy Cà phê Trung Nguyên – Công Ty Cổ Phần Cà phê Trung Nguyên

Mã số thuế doanh nghiệp: 6000429946

Số giấy chứng nhận FSSC 22000: 38161405002

Ngày cấp: 18.6.2020 – Ngày hết hạn: 18.6.2022, Nơi cấp: Intertek Việt Nam.

Số giấy chứng nhận BRC: 381A1903001

Ngày cấp: 23.4.2021 – Ngày hết hạn: 02.5.2022, Nơi cấp: Intertek Việt Nam.

Số giấy chứng nhận HACCP: FS-VNM-20-112/HACCP

Ngày cấp: 26.1.2021 – Ngày hết hạn: 27.1.2022, Nơi cấp: Intertek Việt Nam.



II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM:

1. Tên sản phẩm: TRUNG NGUYÊN LEGEND GIÀU CÓ

Tên nhóm sản phẩm: Cà phê hạt rang

2. Thành phần:

2.1 Nguyên liệu chính: Cà phê Arabica.

2.2 Phụ gia thực phẩm: Không có

3. Thông tin cảnh báo an toàn:

Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.

4. Thời hạn sử dụng:

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện sản phẩm đóng gói kín, chưa khai mở, bảo quản ở môi trường khô ráo, thoáng mát, không có mùi mạnh và tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX (ngày/ tháng/ năm) và HSD (ngày/ tháng/ năm) được in trên bao bì sản phẩm.

Ch

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1 Chất liệu bao bì

- Sản phẩm được đóng gói kín và chứa trực tiếp trong bao bì màng ghép đa lớp.
- Chất liệu bao bì phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm chứa trực tiếp sản phẩm thực phẩm.
- Các loại bao bì bên ngoài: Hộp, lon (Kim loại/ giấy), túi, thùng carton.

5.2 Quy cách đóng gói

- Sản phẩm được đóng gói kín, không tiếp xúc không khí bên ngoài.
- Quy cách đóng gói, tùy theo nhu cầu từ thị trường.
- Khối lượng tịnh: 200 g

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản xuất tại:

NHÀ MÁY CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN – CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN
Cụm công nghiệp Tân An, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

7. Xuất xứ: Việt Nam

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM: Nhãn sản phẩm có nội dung phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP ban hành ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa.

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)



IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ – BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- TCVN 5250:2015: Tiêu chuẩn Việt Nam về cà phê rang.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Trịnh Ty

	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM (TCCS số: 73/TRUNGNGUYENLEGEND/2022)
	Tên sản phẩm: TRUNG NGUYỄN LEGEND GIÀU CÓ Tên nhóm sản phẩm: <i>Cà phê hạt rang</i>

I. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM:

1. Thành phần:

- 1.1 Nguyên liệu chính: Cà phê Arabica.
 1.2 Phụ gia thực phẩm: Không có.

2. Thông tin cảnh báo an toàn:

Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.

3. Thời hạn sử dụng:

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện sản phẩm đóng gói kín, chưa khai mở, bảo quản ở môi trường khô ráo, thoáng mát, không có mùi mạnh và tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX (ngày/ tháng/ năm) và HSD (ngày/ tháng/ năm) được in trên bao bì sản phẩm.

4. Khối lượng tịnh: 200 g

II. TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM:

1. Các chỉ tiêu cảm quan: (Áp theo TCVN 5250:2015)

- Trạng thái : Dạng hạt, hạt rang chín đều, không cháy.
- Màu sắc : Màu nâu đặc trưng của sản phẩm.
- Mùi : Thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
- Vị : Vị đặc trưng của sản phẩm.

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
01	Độ ẩm	%	≤ 5

3. Chỉ tiêu vi sinh: (Áp theo QĐ 46/2007/QĐ – BYT) – Nhóm rau quả khô.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
01	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	$\leq 10^4$
02	<i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	$\leq 10^2$
03	Coliforms	cfu/g	≤ 10
04	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	≤ 10
05	<i>Escherichia coli</i>	cfu/g	Không có
06	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/g	$\leq 10^2$





(TCCS số: 73/TRUNGNGUYENLEGEND/2022)

Tên nhóm sản phẩm: Cà phê hạt rang

4. Chỉ tiêu hóa lý: (Áp theo TCVN 5250:2015)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
01	Hạt tốt	%	≥ 92
02	Hạt lõi	%	≤ 5
03	Mảnh vỡ	%	≤ 3
04	Độ ẩm	%	≤ 5
05	Hàm lượng tro tổng số	%	≤ 5
06	Hàm lượng tạp chất	%	$\leq 0,3$

5. Chỉ tiêu kim loại nặng: (Áp theo QCVN 8-2:2011/BYT & QĐ 46/2007/QĐ – BYT)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
01	Hàm lượng Asten (As)	mg/kg	≤ 1
02	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	≤ 2
03	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
04	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0,05
05	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/kg	≤ 30

6. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: (Áp theo QCVN 8-1:2011/BYT & QĐ 46/2007/QĐ – BYT)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
01	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	≤ 5
02	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 5
03	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	≤ 15

7. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Phù hợp với TT 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Drink Ty

CÀ PHÊ HẠT RANG TRUNG NGUYỄN LEGEND GIÀU CÓ

Quy cách: Lon trụ tròn

Chất liệu lon: Thép tráng thiếc

Kích thước lon: 85 x 180 mm (Ø x C)



TRUNG NGUYỄN LEGEND
THE ENERGY COFFEE THAT CHANGES LIFE
THE N.1 COFFEE!



CÀ PHÊ NANG LƯỢNG | CÀ PHÊ THÔNG THÁI | CÀ PHÊ KIẾN QUỐC
THE ENERGY COFFEE | THE MINDFUL COFFEE | THE NATION-BUILDING COFFEE

Thành phần: Cà phê Arabica.

Thông tin cảnh báo an toàn:

Không để sản phẩm gần nơi có nhiệt độ cao.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Độ ẩm

Hướng dẫn sử dụng:

Xây cà phê trước khi pha chế

Sản phẩm phù hợp tất cả các kiểu pha.

HƯỚNG DẪN PHA CÀ PHÊ HẠT RANG

TRUNG NGUYỄN LEGEND GIÀU CÓ

VỚI MOKA POT:



1. Cho khoảng 20 g cà phê hạt vào máy xay cầm tay.
2. Cho bột cà phê đã xay vào phần phin lọc của bình Moka pot, nén nhẹ.
3. Ở phần đế của Moka pot cho khoảng 140 ml nước, sau đó gắn phần phin lọc vào phần đế, vặn chặt 2 phần lại với nhau.
4. Đặt bình Moka pot lên bếp và đun với lửa lớn. Khi xuất hiện lớp crema, hãy nắp và giảm nhỏ lửa để cà phê không bị trào ra ngoài, sau khoảng 10 giây thì tắt lửa.
5. Rót cà phê ra tách và thưởng thức 01 ly cà phê Trung Nguyen Legend Giàu Có.
(Tham khảo thêm nội dung về cà phê Giàu Có)

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

Ngày sản xuất & hạn sử dụng: Xem dưới đáy bao bì.

TCCS số: 73/TRUNGNGUYENLEGEND/2022

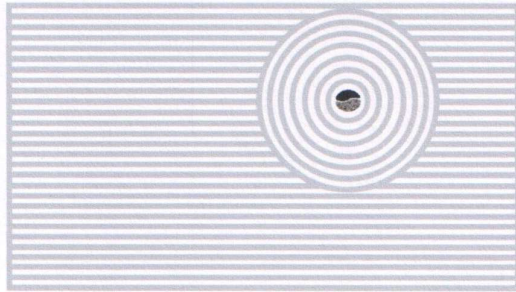
THE N.1 COFFEE!



TRUNG NGUYỄN
Legend

GIÀU CÓ

THE ENERGY FOR PROSPERITY



TRUNG NGUYỄN LEGEND
THE ENERGY COFFEE THAT CHANGES LIFE
THE N.1 COFFEE!

CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
• CÀ PHÊ THÔNG THÁI
• CÀ PHÊ NANG LƯỢNG
• CÀ PHÊ KIẾN QUỐC

• CÀ PHÊ THÔNG THÁI
• CÀ PHÊ NANG LƯỢNG
• CÀ PHÊ KIẾN QUỐC

“Nghèo khó hay giàu sang
đều là sản phẩm của tư duy”

NAPOLEON HILL

Chế tác và thưởng thức ly cà phê năng lượng tuyệt hảo bằng chiếc ấm Moka Pot – biểu tượng của nền văn minh cà phê Roman trong bộ giải pháp Thiên Cà Phê Trung Nguyen Legend Giàu Có cùng triết lý thiên đình của phương Đông sẽ giúp bạn có những phút giây lãng mạn và tự do về con đường chinh phục sự Giàu Có toàn diện của mỗi cá nhân để từ đó mang đến sự Giàu Có cho cả dân tộc.

Chỉ với 15 phút thực hành cùng Bộ Giải pháp Thiên Cà Phê Giàu Có hàng ngày sẽ giúp bạn kiến định và tìm thấy lối sống mới phù hợp cho bản thân mình “Lối sống tinh thức – Lối sống để thành công”.

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Sản xuất tại:

NHÀ MÁY CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN -

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYỄN

Cụm công nghiệp Tân An, Phường Tân An, Tp. Buôn

Mã Thuật, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Sản xuất theo bản quyền sử dụng đối tượng SHCN

của CTCP Đầu Tư Trung Nguyen.

Liên hệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRUNG NGUYỄN

82 - 84 Bui Thi Xuân, Phường Bến Thành,

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3925 1845 / Fax: (028) 3925 1847

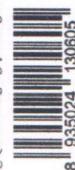
Website: www.trungnguyenlegend.com

CÀ PHÊ HẠT RANG

Xuất xứ: Việt Nam.

Mua ngay tại: WWW.CAFE.NETVN

hoặc Hệ Thống Quán Trung Nguyen Legend, E-Coffee



8 935024 130605



TRUNG NGUYỄN LEGEND
CÀ PHÊ NANG LƯỢNG | CÀ PHÊ THÔNG THÁI | CÀ PHÊ KIẾN QUỐC
THE ENERGY COFFEE | THE MINDFUL COFFEE | THE NATION-BUILDING COFFEE

Khối lượng tịnh: 200 g

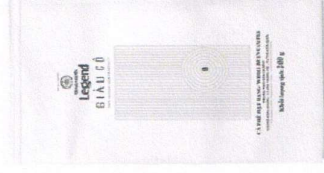
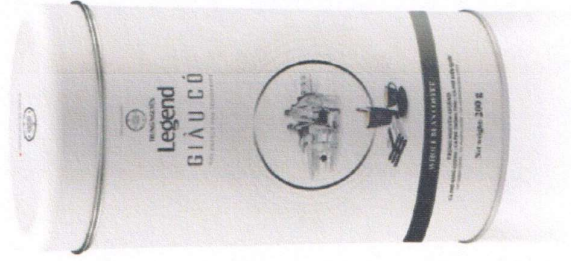
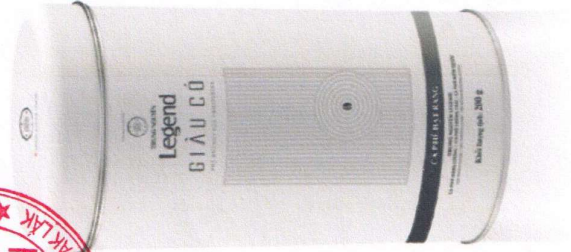
WHOLE BEAN COFFEE

TRUNG NGUYỄN LEGEND
CÀ PHÊ NANG LƯỢNG | CÀ PHÊ THÔNG THÁI | CÀ PHÊ KIẾN QUỐC
THE ENERGY COFFEE | THE MINDFUL COFFEE | THE NATION-BUILDING COFFEE

Net weight: 200 g

160 ml
160 ml
160 ml

CÀ PHÊ HẠT RANG TRUNG NGUYÊN LEGEND GIÀU CÓ



Gói Cà Phê bên trong lon

Lon Cà Phê

Phó GT-MKT
Vũ Thị Sương



Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : TRUNG NGUYEN COFFEE CORPORATION/
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN

Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : CÀ PHÊ HẠT RANG - TRUNG NGUYÊN LEGEND GIÀU CÓ

Sample description (Mô tả mẫu) : Coffee/ Cà phê

Source of sample (Nguồn mẫu) : Sample submitted/ Mẫu nhận từ khách hàng

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20-Dec-2021

Sample tested on (Ngày phân tích) : 21-Dec-2021

Testing Results / Kết quả phân tích

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
1	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	FST-WI01 chapter 14-2 (Ref. AOAC 2005.08 (21 st Ed., 2019)) (LC/MS/MS)
2	Aflatoxin B2 (*)	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	
3	Aflatoxin G1 (*)	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	
4	Aflatoxin G2 (*)	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	
5	Ochratoxin A	µg/kg	Not detected Không phát hiện	1.00	FST-WI01 chapter 39 (Ref. AOAC 2004.10 (21 st Ed., 2019)) (LC/MS/MS)
6	Arsenic (As) content/ Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.10	AOAC 986.15 (21 st Ed., 2019) Modified/AAS
7	Cadmium (Cd) content/ Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.025	AOAC 999.10 (21 st Ed., 2019) Modified/AAS
8	Copper (Cu) content/ Hàm lượng đồng (Cu)	mg/kg	11.6	0.50	AOAC 999.10 (21 st Ed., 2019) Modified/AAS
9	Lead (Pb) content/ Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.10	AOAC 999.10 (21 st Ed., 2019) Modified/AAS

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.



VILAS 278

WON: FST211223499-4
Date/Ngày: 28-Dec-2021

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
10	Mercury (Hg) content/ Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected Không phát hiện	0.02	AOAC 974.14 (21 st Ed., 2019) Modified/AAS
11	Ash content/ Hàm lượng tro tổng số (*)	g/100g	4.27	-	AOAC 972.15 (21 st Ed., 2019)
12	Defective bean/ Hạt lỗi (*)	g/100g	<1.00	-	TCVN 5250:2015
13	Foreign matter/ Tạp chất (*)	g/100g	<0.10	-	TCVN 5250:2015
14	Fragment/ Mảnh vỡ (*)	g/100g	<1.00	-	TCVN 5250:2015
15	Good bean/ Hạt tốt (*)	g/100g	>98.0	-	TCVN 5250:2015
16	Moisture/ Hàm lượng ẩm	g/100g	1.23	0.05	TCVN 7035:2002 (ISO 11294:1994)
17	Appearance/ Trạng thái (*)	-	Coffee beans/ Cà phê dạng hạt	-	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
18	Colour/ Màu (*)	-	Brown colour/ Màu nâu	-	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
19	Smell/ Mùi (*)	-	Typical smell of product, no odd odour/ Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ	-	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
20	Taste/ Vị (*)	-	Typical taste of product/ Vị đặc trưng của sản phẩm	-	TCVN 5250:2015 (Sensory Evaluation)
21	Bacillus cereus	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 7932: 2004/Amd1:2020

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited
Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
22	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 7937: 2004
23	Coliforms	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 4832:2006
24	<i>E.coli</i>	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 16649-2: 2001
25	TPC (30°C)/ Tổng số vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 4833-1:2013
26	Yeasts and Moulds/ Nấm men và nấm mốc	CFU/g	Not detected Không phát hiện (<10)	-	ISO 21527-2:2008

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection / *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO 17025/*Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.*
4. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/
Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

On behalf of Intertek Vietnam-Can Tho

Cao Việt Thanh





Số: 10/TNCB-QLCL

GIẤY BIÊN NHẬN

Tôi tên là: Nguyễn Thị Kim Anh

Chức vụ: Nhân viên

Nội dung: Nhận 03 bản tự công bố sản phẩm của

Công Ty Cổ Phần Cà Phê Trung Nguyên

Cụ thể: 01) Trung Nguyên Legend Cầu Cao

02) Trung Nguyên Legend Sức mạnh

03) Trung Nguyên Legend Tỉnh thức

Đắk Lắk, ngày 25/01/2022

Người nhận

Nguyễn Thị Kim Anh

Đại diện cơ sở

Nguyễn Hải Đan Quốc